

Số: 84 /GPMT-UBND

Tân Uyên, ngày 15 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành số 10/2024/CV-VXT ngày 22 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2843/TTr-PTNMT ngày 25/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành, địa chỉ tại thửa đất số 225, 08, 704; tờ bản đồ số 16; khu phố Tân Bình; phường Tân Hiệp; thành phố Tân Uyên; tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất gia công nhôm xây dựng, công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm; gia công cơ khí, công suất 1.750 tấn sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất gia công nhôm xây dựng công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm; gia công cơ khí công suất 1.750 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 225, 08, 704; tờ bản đồ số 16; khu phố Tân Bình; phường Tân Hiệp; thành phố Tân Uyên; tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 3702492492, đăng ký lần đầu ngày 23/08/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/05/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Mã số thuế: 3702492492

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gia công nhôm xây dựng; gia công cơ khí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án: 26.913,4 m² (Công ty hoạt động trên cơ sở thuê quyền sử dụng đất của ông Phạm Bá Đạo theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 290194, số vào sổ CH03595 do UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 07/10/2013 tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 16; Giấy chứng nhận số CE 84875, số vào sổ CS07327 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/01/2017 tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 16; Giấy chứng nhận số DL 670630, số vào sổ CN16607 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cấp ngày 01/12/2023 tại thửa đất số 704, tờ bản đồ số 16, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Sản xuất gia công nhôm xây dựng, công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm (*Nhôm thô tròn đặc; nhôm thanh định hình thô, nhôm thanh định hình màu các loại*)

+ Gia công cơ khí, công suất 1.750 tấn sản phẩm/năm (*Khung cửa nhôm 665,96 tấn sản phẩm/năm; Cửa nhôm kính 1.084,04 tấn sản phẩm/năm*).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất nhôm thô tròn đặc: Nguyên liệu (Nhôm Ingot nhập khẩu) → Hệ thống gia nhiệt khép kín → Định hình sản phẩm → Ủ mềm → Ủ cứng → Cắt theo kích thước → Ép thanh (định hình thanh nhôm) → Cắt theo kích thước → Kiểm tra, thành phẩm → Nhôm thô tròn đặc

+ Quy trình sản xuất nhôm thanh định hình thô: Nhôm thô tròn đặc → Làm mềm nhôm tròn đặc → Cắt ngắn → Ép thanh (định hình thanh nhôm) → Cắt theo kích thước → Ủ cứng → Nhôm thanh định hình thô

+ Quy trình sản xuất nhôm thanh định hình màu các loại: Nhôm thanh định hình thô → Dây chuyền làm sạch bề mặt (*Bể rửa nước 1; Bể tẩy dầu mỡ 2,3; Bể rửa nước 4,5; Bể Cromat 6; Bể rửa nước 7,8,9*) → Sấy khô → Sơn tĩnh điện → Sấy sau sơn → Kiểm tra, thành phẩm

+ Quy trình gia công cơ khí: Nguyên liệu (Nhôm thanh định hình thô và màu các loại từ sản phẩm của công ty) → Cắt → Lắp ráp chi tiết → Lắp ráp kính cường lực (nếu có) → Kiểm tra, thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại

Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công ty phải ngưng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép 10 năm: Từ ngày 25.. tháng 12.. năm 2024 đến ngày 25.. tháng 12.. năm 2034.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Tân Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành;
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Hồng Nguyên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 87./GPMT-UBND ngày 25. tháng 11. năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng 1,2

Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng 4

Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng

Nguồn thải số 04: Nước thải sản xuất từ công đoạn làm sạch bề mặt nhôm.

Nguồn thải số 05: Nước thải từ công đoạn xả cặn thiết bị giải nhiệt

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường Tân Hiệp 17 → Hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Khuyến → suối nhánh suối Vĩnh Lai → suối Cái → sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

01 dòng: 01 điểm nằm ở phía Tây dự án, trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung trên đường Tân Hiệp 17 → Hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Khuyến → suối nhánh suối Vĩnh Lai → suối Cái → sông Đồng Nai.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1224828,64; Y= 607342,12

Điểm xả nước thải cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hồ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Tây của dự án (nằm trong hàng lang an toàn đường Tân Hiệp 17, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hồ, có song sắt để nhìn, giám sát được) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành".

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 33 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý sẽ tự chảy theo đường ống PVC, đường kính D200mm chảy ra hệ thống thoát nước chung trên đường Tân Hiệp 17 → Hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Khuyến → suối nhánh suối Vĩnh Lai → suối Cái → sông Đồng Nai.

Hình thức xả thải: Tự chảy



2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục khi hoạt động

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường tiếp giáp với dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp, cột A, $K_f=1,2$; $K_q=0,9$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	6-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	TSS	mg/l	50		
4	COD	mg/l	75		
5	Nitơ tổng	mg/l	20		
6	Photpho tổng	mg/l	4		
7	Coliform	MPN/100ml	3.000		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		
10	Crom VI	mg/l	0,05		
11	Crom III	mg/l	0,2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nguồn nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải rửa tay chân được thu gom bằng đường ống uPVC D168mm, độ dốc $i=0,5\%$ về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày để được xử lý.

Nước thải sản xuất từ hoạt động làm sạch bề mặt nhôm được thu gom bằng mương hở có kích thước (rộng 300mm, sâu 250 mm) chạy dọc theo dây chuyền làm sạch bề mặt, nước thải từ quá trình xả cặn tháp giải nhiệt được thu gom bằng đường ống uPVC D168mm sau đó chảy về hố ga thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 30m³/ngày để được xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt (sau 03 bể tự hoại tổng dung tích 47,5 m³) + Nước thải rửa tay chân → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Arotank + MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hệ thống thoát nước chung trên đường Tân Hiệp 17 → Hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Khuyến → suối nhánh suối Vĩnh Lai → suối Cái → sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất dinh dưỡng, vi sinh vật.

Quy trình xử lý nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất từ các bể làm sạch bề mặt nhôm + nước thải xả cặn thiết bị giải nhiệt → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Thu gom về bể chứa cho quá trình giải nhiệt làm mát

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công

trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại hồ thu bể điều hòa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và vệ sinh đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng xử lý nước và thoát nước.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (thời gian dự kiến 01/10/2025 đến 31/12/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế 20m³/ngày.đêm

Công trình xử lý nước thải sản xuất có công suất thiết kế 30m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày.đêm.

Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm.

Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 30m³/ngày.đêm.

Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 30 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 20m³/ngày.đêm trong 3 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, tổng N, tổng P, Coliform, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng.

Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 30m³/ngày.đêm trong 3 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, SS, tổng N, tổng P, Coliform, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng, Crom (VI), Crom (III).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 81./GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn thải 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt nhôm

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
01	Nguồn số 01	Dòng thải số 01 (Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia nhiệt nhôm)	Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia nhiệt nhôm	X=1224777,89 Y= 607540,03

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 120.000 m³/h

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải: Bụi và khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường thông qua ống thải; Xả cưỡng bức, gián đoạn

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, K_p= 0,8; K_v= 0,8), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	--	6 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm ³	200	
3	CO	mg/Nm ³	1.000	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	

5	NO ₂	mg/Nm ³	850	
---	-----------------	--------------------	-----	--

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình gia nhiệt được thu gom bằng hệ thống chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về thiết bị lọc bụi túi vải kết hợp tháp hấp thụ ướt. Bụi sau hệ thống xử lý được thu gom về các bao chứa bụi và phát tán qua 01 ống thải có chiều cao 7,5m, đường kính 1,8m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Nguồn thải số 01 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn gia nhiệt nhôm)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn gia nhiệt nhôm
 → Hệ thống chụp hút và ống dẫn bụi → Thiết bị rung rũ bụi (5.690 x 12.500 mm)
 → Thiết bị lọc bụi túi vải (9.210 x 12.500 mm) → Tháp hấp thụ ướt (Ø3.000 x 12.500 mm) → Quạt hút công suất 120.000m³/h → Ống thải (cao 7,5m, đường kính 1,8m).

- Công suất thiết kế: 120.000 m³/h

- Hóa chất sử dụng: Nước

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (Thời gian dự kiến từ 01/10/2025 đến 31/12/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 công trình xử lý bụi (bằng thiết bị lọc bụi túi vải kết hợp tháp hấp thụ ướt) phát sinh từ hệ thống gia nhiệt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại ống thải số 01, sau hệ thiết bị lọc bụi túi vải kết hợp tháp hấp thụ ướt từ hệ thống gia nhiệt, có tọa độ $X=1224777,89$; $Y=607540,03$.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: Mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn tại ống thải trước khi thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, NO₂, SO₂

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

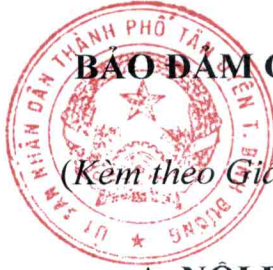
3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 3



BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 87./GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực ép định hình nhôm.
- Nguồn số 02: Khu vực cắt nhôm
- Nguồn số 03: Khu vực cắt (phần nhà xưởng gia công cơ khí)
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ động cơ của HTXL khí thải gia nhiệt nhôm

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: có tọa độ X= 1224790,428; Y= 607508,765
- Nguồn số 02: có tọa độ X= 1224806,455; Y= 607523,585
- Nguồn số 03: có tọa độ X= 1224943,571; Y= 607451,502
- Nguồn số 04: có tọa độ X= 1224796,367; Y= 607539,401

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 87/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Số lượng (cái/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần nguy hại	Rắn	720	-	18 02 01	KS
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	4	-	19 06 01	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	-	16 01 06	NH
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	10	-	17 02 04	NH
5	Bao bì đựng dầu nhớt bằng nhựa	Rắn	25	10	18 01 03	KS
6	Axit thải	Lỏng	24	-	02 01 05	NH
7	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	1.500	-	05 02 06	KS
8	Bùn phát sinh từ HTXLNT	Bùn	2.318	-	12 06 05	KS
9	Tro xỉ sinh ra từ công đoạn xử lý nhôm	Rắn/lỏng	10.400	-	05 02 11	KS
Tổng số lượng			15.125	10	-	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng:

STT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Nhôm thải vụn	877.245,6
2	Thanh nhôm vụn	1.080.000
3	Giấy nhựa vụn phòng	250
4	Đinh vít hư hỏng	200
Tổng		1.957.695,6

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

STT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Túi nilong, băng keo thải, giấy vỏ thùng	7.488
2	Dây đai, dây nhựa	2.600
3	Gỗ vụn (Pallet gỗ hư hỏng,...)	17.000
4	Ron cao su thừa thải bỏ	319,9
Tổng		27.407,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	150
Tổng		150

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 9 thùng nắp nhựa dung tích 120 lít.
- Tất cả các thùng lưu trữ CTNH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 10m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định và có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH” và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng kim loại 240 lít, bao chứa, pallet

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 15m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, tường bao xây gạch, có mái che, có cửa khóa; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 01 thùng nhựa có nắp dung tích 60 lít và 8 thùng nhựa có nắp dung tích 240 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết phải có nền bê tông chống thấm, không bị ứ đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 87.../GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Tây của dự án (nằm trong hành lang an toàn đường Tân Hiệp 17, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành".
3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Tây của dự án (nằm trong hành lang an toàn đường Tân Hiệp 17, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH MTV Nhôm Vạn Xuân Thành".
4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.